

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **04/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/02/2019

“*V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:

bà Trương Thị Việt Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Đình Bắc

Bà: Điều Thị Hương

- Thư ký phiên tòa:

ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Dạ Thảo
– Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 238/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phan Thị Thúy H, sinh năm: 1964 (*có mặt*)

Bị đơn: ông Ngô Thanh M, sinh năm: 1968 (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn đề ngày 07 tháng 8 năm 2018, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn: bà Phan Thị Thúy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông Ngô Thanh M tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Tiến, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước vào ngày 10/11/2010. Từ khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc, ông M không lo làm ăn, hay đánh đập, chửi mắng, xúc phạm vợ con. Cũng từ năm 2017 đến nay thì bà và ông M đã sống ly thân. Xét thấy, tình

cảm của bà với ông M đã không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà H trình bày giữa bà với ông M có với nhau 01 (một) con chung tên Ngô Thành D, sinh ngày 06/11/2007 (hiện tại cháu D đang sống chung với bà H). Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà H trình bày: Tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện BÐ với ông Bế Văn Giám (hiện là phó Trưởng ấp của ấp Tân Thuận, nơi bị đơn ông M cư trú) thì ông Giám cho biết: Giữa bà H, ông M thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn với nhau, thường xuyên cãi vã, chửi bới, ông M có đánh đập, xúc phạm vợ con; hai vợ chồng không ai nhường nhịn ai trong cuộc sống, hiện tại ông M đi làm ăn xa, lâu lâu mới về một lần.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông M, tuy nhiên ông M đã không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án vì vậy trong các buổi làm việc ông M đều vắng mặt. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn M theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 243 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn từ bỏ quyền, không thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 54, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho bà H được ly hôn với ông M và giao cháu Ngô Thành D, sinh ngày 06/11/2007 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông M không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phan Thị Thúy H yêu cầu ly hôn với ông Ngô Thanh M, ông M có nơi cư trú tại huyện BÐ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BÐ theo quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 83/2010 quyển số 01 ngày 10/11/2010 do UBND xã Tân Tiến, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Thúy H ông Ngô Thanh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Ngô Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông M vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Phan Thị Thúy H và ông Ngô Thanh M tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2010 tại UBND xã Tân Tiến, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước. Xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, vợ chồng bà Phan Thị Thúy H thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, ông M không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay mà không hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông M đã lâm vào trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị Thúy H là có căn cứ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung tên Ngô Thành D, sinh ngày 06/11/2007, hiện tại con chung đang sống cùng với bà H, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu D vì vậy việc tiếp tục giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn bà Phan Thị Thúy H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thúy H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* bà Phan Thị Thúy H được ly hôn với ông Ngô Thanh M.

2. *Về con chung:* Giao 01 (một) con chung tên Ngô Thành D, sinh ngày 06/11/2007 cho bà Phan Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đến khi trưởng thành, tự lao động được; bà H và ông M đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; ông Ngô Thanh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung, và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Nguyên đơn bà Phan Thị Thúy H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* bà Phan Thị Thúy H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BD theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016049 ngày 10/9/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 của luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THA DS huyện BD;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Tiến;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trương Thị Việt Nga